

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/DS -ST  
Ngày 20 tháng 5 năm 2026  
“*V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Sơn.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Nguyễn Xuân Trọng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2025/TLPT- DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2025/QĐ-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Khổng Kim T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn X, xã T, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Văn H - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

*Bị đơn:* Anh Hoàng Xuân Nam H1, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị Lê D, sinh năm 1980; đều ở địa chỉ: TDP P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Anh Hoàng Xuân Nam H1, sinh năm 1980, địa chỉ: TDP P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Hữu C, sinh năm 1978; địa chỉ: TDP T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn T, xã L, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

2. Anh Hà Ngọc T1, sinh năm 1977; nơi thường trú: Tổ A, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Phòng 1610 tòa HH02D, khu đô thị T, xã C, quận T, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn X, xã T, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2: Ông Không Kim T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn X, xã T, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Không Kim T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2024 cùng những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông T (ông T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T2) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T thống nhất trình bày:*

Tháng 5/2020, ông Không Kim T thỏa thuận với anh Hoàng Xuân Nam H1 và anh Hoàng Xuân C1 về việc cùng nhau hợp tác xây dựng trại chăn nuôi gà tại địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Nội dung thỏa thuận: “Ông T sẽ là người trực tiếp dùng diện tích đất của gia đình mình để làm trang trại chăn nuôi gà, con rể ông T là anh Hà Ngọc T1 bỏ vốn làm chung cùng anh H1, anh C1, cùng đầu tư vốn để xây chuồng trại, trực tiếp bỏ thời gian, công sức của mình để chăn nuôi gà từ khi còn nhỏ đến khi đạt tiêu chuẩn để xuất bán (thỏa thuận miệng không có văn bản, giấy tờ gì). Anh H1 và anh C1 thuê ông T chăm sóc hàng tháng, sau khi quyết toán lứa gà tiền lãi chia làm 3 phần của 3 lứa đầu; từ lứa thứ tư, anh H1 không nuôi nữa nên gia đình ông T nuôi, còn anh C1 nếu đổi thì ra hỗ trợ cho ông T. Lứa gà thứ tư do anh H1 đứng ra bán hơn 900kg gà theo giá thị trường và giữ toàn bộ số tiền thu được. Ngoài ra anh H1 còn giữ tiền công ty trả phí gia công chăn nuôi gà bốn lứa (03 lứa gia công của công ty J và 01 lứa gia công của công ty G).

Sau khi tất toán với công ty bốn lứa gà trên, gia đình ông T đã nhiều lần nhắc anh H1 trả tiền công cho gia đình ông, anh H1 đã không trả mà xin khất nhận nợ, hẹn đến ngày 20/6/2023 sẽ trả tiền cho gia đình ông nhưng anh H1 đã không thanh toán đúng hẹn. Ngày 08/5/2023, vợ chồng anh H1, chị D đã viết giấy nhận nợ với gia đình ông T, có nội dung như sau: "Vợ chồng anh H1, chị D xác nhận toàn bộ số tiền chi phí chăn nuôi gà lứa thứ tư đang nợ gia đình ông T là 170.000.000đ và ba lứa đầu với tổng số tiền phí gia công là 200.000.000đ đến ngày 20/6/2023 vợ chồng anh H1, chị D sẽ thanh toán đầy đủ cho gia đình ông T

số tiền này”. Giấy nhận nợ này do anh H1 tự tay viết và hai vợ chồng cùng ký với tổng số tiền là 370.000.000đ.

Kể từ ngày hết thời hạn trả nợ là ngày 20/6/2023 đến nay, nhiều lần ông T yêu cầu vợ chồng anh H1, chị D thanh toán toàn bộ số tiền trên cho gia đình ông nhưng vợ chồng anh H1, chị D luôn tìm cách lẩn tránh không muốn trả toàn bộ số tiền trên.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ giải quyết buộc vợ chồng anh Hoàng Xuân Nam H1, chị Nguyễn Thị Lê D thanh toán cho gia đình ông T toàn bộ số tiền 370.000.000đ theo giấy nhận nợ lập ngày 08/5/2023.

*Bị đơn anh Hoàng Xuân Nam H1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lê D) trình bày:* Tháng 5/2020, anh H1; anh Hoàng Hữu C và anh Hà Ngọc T1 (con rể ông T) thống nhất góp tiền xây chung trại nuôi gà trên đất nhà ông T (ông T cho mượn đất không phải trả tiền thuê). Toàn bộ chi phí xây dựng và mua thiết bị chăn nuôi của trang trại hết khoảng 240.000.000đ, mục đích xây chuồng trại để chăn nuôi gia công gà màu cho Công ty J1. Các anh cùng thống nhất là thuê ông Khổng Kim T chăn nuôi gà mỗi lứa trả công là 10.000.000đ, cả anh H1, anh C, anh T1 (con rể ông T) và gia đình ông T đã đồng ý.

Anh H1, anh C, anh T1 thống nhất dù lỗ hay lãi đều phải góp tiền để trả tiền công cho ông T là 10.000.000đ/lứa, các anh thoả thuận anh H1 là người đứng ra trả tiền công cho ông T. Tính đến ngày 06/9/2022 ông T đã nuôi thuê cho anh H1, anh C và anh T1 được 04 lứa gà. Lứa gà thứ nhất đã thanh toán xong tiền công cho ông T, chỉ còn nợ tiền công nuôi gà của 03 lứa sau (lứa 2, 3, 4). Vì vậy anh H1, anh C và anh T1 có trách nhiệm trả tiền công nuôi gà cho ông T là 30.000.000đ cho 03 lứa gà còn lại. Ngoài ra gia đình ông T không được đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền nào khác, còn tiền phí gia công chăn nuôi mà Công ty thanh toán cho các anh thì anh H1, anh C và anh T1 được hưởng, lỗ thì các anh phải chịu. Cụ thể các lứa gà nuôi như sau:

- Lứa gà thứ nhất: Nuôi gà màu cho công ty G, trụ sở Văn phòng công ty ở V. Thời gian nuôi gà bắt đầu từ khoảng tháng 10/2020 đến tháng 01/2021 thì bán gà. Số gà giống lấy khoảng 5000 con, khi bán trọng lượng gà được khoảng hơn 7 tấn, phí gia công công ty G trả khoảng hơn 15 triệu. Tuy nhiên, ông T đã lấy 240kg gà thịt cưới con, tương đương khoảng 14 triệu tiền gà. Sau lứa này anh H1, anh T1 và anh C thống nhất đã giải quyết xong tiền công chăn nuôi cho ông T. Tuy nhiên đối với lứa gà thứ nhất này thì tiền cám phải mua thêm ngoài khoảng 22.000.000đ đến 23.000.000đ; tiền thuốc mua ngoài hết khoảng 15.000.000đ; tiền thuê người tiêm gà và bắt gà lên xe khoảng 4.000.000đ. Sau khi trừ đi chi phí thì

lúa gà này bị lỗ khoảng 40.000.000đ. Sau lúa này ba người thống nhất đã giải quyết xong tiền công chăn nuôi, tiền phí chăn nuôi.

- Lúa gà thứ hai: Nhận gà để nuôi ngày 08/02/2021, số gà thực nhận từ trại là 9.544 con, nuôi 231 ngày, ngày bán 26/9/2021, số gà bán 9.163 con, trọng lượng 19.225,29kg; phí chăn nuôi công ty trả cho anh H1 của lúa hai là 66.466.628đ. Tuy nhiên đối với lúa gà này thì không phải là hoàn toàn ở trại gà ở trên nhà ông T, vì trại gà đó sức chứa chỉ được 5.000con gà; còn lại là ở trại của anh H1 (gọi là Trại gà Hoàng Xuân N Hưng 2) ở thôn N, xã X, huyện L nay là xã L Trên thực tế anh H1 ký với công ty nhận từ trại ấp là 9.544 con sau đó anh H1 chia đôi 1 nửa lên trại gà trên nhà ông T và một nửa là ở trại gà của anh H1 ở thôn N, xã X nay là xã L Do trại gà trên đất nhà ông T chưa có tiền nộp cọc nên phải nuôi chung với T3 gà Hoàng Xuân Nam H1 2. Do đó tiền phí chăn nuôi công ty trả cho anh H1 của mã đàn lúa hai là 66.466.628đ bao gồm cả nửa số gà trên trại nhà ông T và nửa số gà tại trại của anh H1 ở X, khi xuất chuồng là xuất chuồng cùng nhau. Công ty cấp giống, cám và thuốc còn về việc mình chia ra nuôi ở những trại nào là do mình và phải đảm bảo được khối lượng gà cho công ty. Nếu không đảm bảo thì công ty sẽ trừ luôn vào phí, còn lại bao nhiêu công ty mới thanh toán. Do đó lúa gà này (lúa đầu tiên nuôi cho Công ty J và là lúa thứ hai anh T1, anh H1, anh C nuôi cùng nhau) trên trại gà nhà ông T chỉ là 33.233.314đ. Sau khi trừ các chi phí thuê người tiêm gà, tiền thuốc, tiền cám mua ngoài, tiền người bốc vác cám và bắt gà bán, tiền điện thì lúa thứ 2 này bị lỗ khoảng 16 đến 17 triệu.

- Lúa gà thứ ba: Nhận gà để nuôi ngày 23/9/2021, số gà thực nhận từ trại ấp là 5.097 con, ngày xuất bán 01/01/2022, số gà bán 4.895 con, tổng trọng lượng 9.573,9kg; phí chăn nuôi công ty trả cho anh H1 là 14.941.689đ. Tuy nhiên sau khi trừ các chi phí thuê người tiêm gà, tiền thuốc, tiền cám mua ngoài, tiền người bốc vác cám và bắt gà bán, tiền điện thì lúa ba bị lỗ khoảng 50 triệu đến 60 triệu.

- Lúa gà thứ tư: Nhận gà để nuôi ngày 09/5/2022, số gà thực nhận từ trại ấp là 5.634 con, nuôi 121 ngày, ngày bán 06/9/2022, số gà bán 4.461 con, trọng lượng 10.706,5kg; phí chăn nuôi công ty trả cho anh H1 của lúa bốn là 76.050.164 đồng, nhưng thực tế thanh toán là 0 đồng và chưa trừ các chi phí thuê người tiêm gà, tiền thuốc, tiền cám mua ngoài, tiền người bốc vác cám và bắt gà bán, tiền điện thì lúa 4 cũng bị lỗ khoảng 30 triệu đến 40 triệu đồng.

Vì là các lúa gà trước thất thoát nhiều và bị lỗ nhiều nên trước khi nuôi lúa gà thứ tư thì anh H1 có nói với anh T1 là nếu anh T1 đồng ý mua lại trại gà theo giá thỏa thuận và đền bù cả lúa gà thứ 3 (bị lỗ) thì lúa gà thứ 4 anh H1 không lấy một đồng nào. Lúc đầu anh T1 đồng ý, nhưng sau đó lại không đồng ý nữa. Do vậy ở lúa gà thứ 4 này, anh H1 vẫn làm như các lúa gà trước từ nhận giống, cám, thuốc, thuê người bốc vác cám, thuê người tiêm thuốc, mua thêm thuốc, mua thêm

cám, cân gà cho công ty....Tất cả 4 lứa gà anh T1, anh C không nộp bất kỳ một chi phí nào, hoàn toàn là do anh H1 bỏ tiền ra chi phí và trên thực tế anh T1 vẫn tham gia nuôi gà cùng anh H1, anh C từ đầu đến cuối của cả 4 lứa gà. Tuy nhiên nay ông T và anh T1 không thừa nhận việc anh T1 có tham gia hợp tác chăn nuôi gà cùng anh H1, anh C cho công ty mà cho rằng chỉ có ông T hợp tác cùng anh H1, anh C chăn nuôi gà cho công ty thì anh H1 cũng phải chịu vì anh T1 là con rể ông T, việc anh T1 và ông T đứng về một phía để trình bày cũng là điều dễ hiểu.

Theo thỏa thuận từ đầu thì đến nay anh H1, anh C, anh T1 chỉ còn nợ ông T số tiền công chăn nuôi của 03 lứa gà (2,3,4) là 30.000.000đ (vì lứa gà thứ nhất ông T lấy 240kg gà để cưới con nên đã trừ vào tiền công chăn nuôi) và giữa anh H1, ông T, anh C, anh T1 đã thỏa thuận thống nhất xong lứa gà thứ nhất.

Ngoài ra anh H1 có một trại gà (ngay bên cạnh nhà ông T) cho anh P ở B, Hà Nội thuê lại để nuôi gà, anh P nhờ hoặc thuê ông T trông nom, chăm sóc. Đến ngày 07/5/2023 giữa anh H1 và anh P có mâu thuẫn với nhau về vấn đề thuê trại. Anh H1 đến trại gà cho anh P thuê và mời anh P lên để giải quyết nhưng đến ngày hôm sau anh P mới lên, khi đến nơi anh P gọi điện cho anh báo là gà chết (số lượng gà chết anh không biết), sau đó anh P yêu cầu anh phải bồi thường số gà chết nếu không sẽ báo công an, anh chưa biết nguyên nhân gà chết, đúng sai thế nào. Anh có mặt ở đó ngày hôm trước nên anh P nói báo công an làm việc nếu không bồi thường. Trong lúc tinh thần anh đang hoảng loạn thì ông T đã tát nước theo mưa, yêu cầu anh viết giấy nhận nợ cụ thể là: 30.000.000đ (tiền công chăn nuôi 03 lứa gà) và 140.000.000đ (tiền bán gà). Tổng số tiền là 170.000.000đ và yêu cầu vợ chồng anh ký nhận, rồi ông T giữ giấy nhận nợ đó. Khoảng 15 phút sau, ông T lợi dụng lúc tinh thần anh đang hoảng loạn và nhẹ dạ cả tin đã tiếp tục yêu cầu anh viết nợ thêm 200.000.000đ thì ông T sẽ giàn xếp với anh P để giải quyết nội bộ, đồng thời sẽ cho anh tiếp tục sử dụng trại gà trên đất nhà ông T để nuôi gia công. Sau khi ông T nhận được tờ giấy nhận nợ đó thì ông T đã không cho anh lấy trại để tiếp tục nuôi gia công gà mà ông T đã tự ý lấy trại của các anh cho người khác thuê mà không được sự đồng ý của anh (ước tính số tiền ông T đã thu được từ việc cho thuê trại là 70.000.000 đồng).

Nay ông T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 giải quyết buộc vợ chồng anh thanh toán toàn bộ số tiền 370.000.000đ theo giấy nhận nợ lập ngày 08/5/2023, anh không đồng ý vì giấy nhận nợ trên chỉ có 30.000.000đ tiền công thuê chăn nuôi 03 lứa gà 2, 3, 4 mà anh H1, anh C, anh T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T còn số tiền bán gà viết như trong giấy nhận nợ theo yêu cầu của ông T hoàn toàn không có vì toàn bộ số tiền bán gà là phải nộp về công ty gia công.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Hữu C trình bày:* Khoảng đầu năm 2020, anh với anh H1 và anh T1 (con rể ông T) cùng hợp tác xây dựng trại gà ở thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trên đất nhà ông T (ông T cho mượn đất không phải trả tiền thuê). Tổng chi phí xây dựng và mua trang thiết bị chăn nuôi hết: 240.000.000đ chia đều cho ba người nên mỗi người 80.000.000đ, mục đích xây chuồng trại để chăn nuôi gia công gà màu cho công ty J1; các anh cùng thống nhất thuê ông Khổng Kim T chăn nuôi gà mỗi lứa trả tiền công 10.000.000đ cả anh, anh C, anh T1 (con rể ông T) và gia đình ông T đã đồng ý. Tổng cộng là anh C, anh H1, anh T1 cùng nhau nuôi 4 lứa gà. Lứa 1 ông T đã lấy hơn 200kg gà cưới con, các anh đã trừ vào tiền công chăn nuôi của ông T của lứa 1, còn hạch toán lỗ lãi giữa anh C, anh H1 và anh T1 thì các anh chưa thanh hạch toán với nhau.

Việc ông T trình bày lứa gà thứ 2, thứ 3, thứ 4 anh T1, anh H1, anh C và ông T cùng ngồi thống nhất với nhau là anh T1 không nuôi chung nữa mà để ông T nuôi thì anh C không nắm được việc này, anh C không thấy anh T1 hay ông T, anh H1 nói chuyện này. Anh C cũng không thống nhất với ông T, anh T1, anh H1 việc này.

Đối với lứa gà thứ 4, thì các anh vẫn thuê ông Tăng N1 như ba lứa đầu, anh H1 vẫn làm các công việc như ở 3 lứa gà đầu; cả 4 lứa gà anh H1 đều là người nhập gà giống và cân gà thành phẩm với công ty cũng như cầm tiền do công ty trả. Việc ông T trình bày ở lứa gà thứ nhất, ông T lấy 200kg gà cưới con thì ông T đã trừ vào tiền công nuôi gà mà ông T đã nuôi thuê cho anh H1 ở trại gà trên thôn R, xã X và đã thống nhất với anh C, T1, H1 như vậy, nhưng anh C khẳng định không có việc các anh thống nhất để ông T lấy 200kg gà cưới con rồi ông Tăng trừ luôn số tiền anh H1 còn nợ công nuôi gà trên trại gà ở Rừng C, vì đó là trại gà riêng của anh H1 và việc anh H1 thuê riêng ông Tăng nuôi trên đó, không liên quan gì đến gà của các anh nuôi ở trại gà trên đất nhà ông T. Anh C có biết việc ông T nuôi gà thuê cho anh H1 ở trại gà trên thôn R, xã X, còn việc ông T và anh H1 thanh toán tiền công cho nhau thế nào thì anh C không biết, đó là việc riêng của ông T và anh H1. Đến nay cả 4 lứa gà anh H1 vẫn chưa thanh toán cho anh C đồng nào. Đối với số tiền mà anh H1 chưa thanh toán cho anh và anh T1 thì anh sẽ thỏa thuận với anh H1, anh không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Nếu không thỏa thuận được anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh H1 trả tiền, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Ngọc T1 vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/9/2025, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 05/3/2025 anh T1 trình bày:* Anh là con rể của ông Khổng Kim T, anh cùng anh

H1, anh C có thỏa thuận về việc hợp tác xây dựng chuồng trại chăn nuôi gà trên đất của bố mẹ vợ anh. Cả ba anh thống nhất thuê ông T đứng ra chăn nuôi mỗi lứa trả 10.000.000đ. Anh H1 là người trực tiếp nhập con giống. Anh cùng anh H1, anh C nuôi lứa gà thứ nhất, sau đó đến lứa gà thứ 2, 3, 4 anh không tham gia nuôi nữa mà để bố vợ anh là ông T tham gia nuôi cùng anh H1, anh C. Hiện nay các lứa gà anh H1 đã xuất chuồng từ lâu nhưng không thanh toán tiền công cho ông T nên ngày 08/5/2023 vợ chồng anh H1, chị D đã đứng ra ký giấy nhận nợ tiền công chăn nuôi 04 lứa gà là 370.000.000đ với ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Xuân Nam H1 và chị Nguyễn Thị Lê D trả số tiền 370.000.000đ, anh đề nghị anh H1, chị D phải trả cho ông T số tiền trên.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 401; Điều 406; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Không Kim T về việc yêu cầu thanh toán công chăn nuôi gà.

- Buộc anh Hoàng Xuân Nam H1 phải trả cho ông Không Kim T số tiền 30.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Không Kim T về việc buộc anh H1 phải trả tiền bán gà 140.000.000đ và tiền phí gia công chăn nuôi của ba lứa gà 200.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án; về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2025, ông Không Kim T kháng cáo nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Không Kim T là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi nội dung kháng cáo không yêu cầu anh H1, chị D trả phí chăn nuôi của các lứa gà với số tiền 200.000.000đ nữa; chỉ đề nghị anh H1, chị D thanh toán tiền công 3 lứa gà với số tiền 30.000.000đ và thanh toán tiền bán gà của lứa thứ 4 số tiền 140.000.000đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không

chấp nhận kháng cáo của ông Không Kim T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Không Kim T trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham dự phiên tòa và các đương sự đã nhận được văn bản của Tòa án hợp lệ. Tuy nhiên một số đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Không Kim T khởi kiện đối với anh Hoàng Xuân Nam H1 và chị Nguyễn Thị Lê D đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh N, chị D phải thanh toán số tiền theo giấy nhận nợ ngày 08/5/2023 là 370.000.000đ; phía bị đơn anh N, chị D có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Hiện nay anh N, chị D là bị đơn cư trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định vụ án “*Kiên đòi tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Không Kim T kháng cáo nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về nội dung vụ án:

Theo nguyên đơn thì ông Không Kim T với anh Hoàng Xuân Nam H1 và anh Hoàng Xuân C1 thỏa thuận về việc cùng nhau hợp tác xây dựng trại chăn nuôi gà tại gia đình ông T. Theo nội dung thỏa thuận: Ông T sẽ là người trực tiếp dùng diện tích đất của gia đình để làm trang trại chăn nuôi gà, con rể ông T là anh Hà Ngọc T1 bỏ vốn làm chung cùng anh H1, anh C1, cùng đầu tư vốn để xây chuồng trại và trực tiếp bỏ thời gian, công sức của mình để chăn nuôi gà từ khi còn nhỏ đến khi đạt tiêu chuẩn để xuất bán. Anh H1 cùng anh C1 thuê ông T chăm sóc hàng tháng, sau khi quyết toán lứa gà tiền lãi chia làm 3 phần của 3 lứa đầu. Về lứa thứ 4, anh H1 không nuôi nữa nhưng anh H1 đứng ra bán gà và giữ toàn bộ số tiền thu được. Ngoài ra anh H1 còn giữ tiền công ty trả phí gia công chăn nuôi gà 4 lứa.

Sau khi tất toán với công ty bán lứa gà trên, gia đình ông T đã nhiều lần nhắc anh H1 trả tiền công cho gia đình ông, anh H1 đã không trả mà xin khất nhận

nợ. Đến ngày 08/5/2023, vợ chồng anh H1, chị D đã viết giấy nhận nợ với gia đình ông T số tiền 370.000.000đ hạn đến ngày 20/6/2023 vợ chồng anh H1, chị D sẽ thanh toán đầy đủ. Do không thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận nên ông T khởi kiện anh N, chị D yêu cầu thanh toán số tiền 370.000.000đ trên; còn phía anh N, chị D là bị đơn có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T với lý do: Anh đã cùng anh C1, anh T1 bỏ vốn làm trang trại trên đất của ông T, chỉ có thỏa thuận là thuê ông T chăm sóc gà mỗi lứa 10.000.000đ nên ông T không liên quan gì đến tiền phí Công ty trả cho việc nuôi gà của trang trại cũng như tiền bán gà; còn việc anh N, chị D ký vào giấy nhận nợ ngày 08/5/2023 là do bị gia đình ông T ép buộc vì hoảng sợ nên ký vào giấy tờ này.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc trả tiền công chăm sóc gà; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về tiền bán gà và tiền phí gia công của ba lứa gà. Do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, ông Không Kim T kháng cáo nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[5]. Xét về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Không Kim T; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[5.1]. Về Hợp đồng thỏa thuận hợp tác chăn nuôi gà giữa anh H1, anh C1 và anh T1: Các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 5/2020, anh H1, anh C1, anh T1 có thỏa thuận miệng với nhau về việc hợp tác xây dựng trại chăn nuôi gà màu cho Công ty G và công ty J1 và có mượn đất nhà ông T ở thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nay là thôn X, xã T, tỉnh Phú Thọ để xây dựng trang trại, ông T nhất trí. Cả ba người thống nhất thuê ông T chăn nuôi và trông nom, mỗi lứa trả 10.000.000đ. Tiền xây dựng trại gà hết bao nhiêu thì chia đều cho anh H1, anh C1 và anh T1; Ngoài ra, ba người còn thống nhất, anh H1 là người đứng ra ký hợp đồng với công ty từ việc nhận con giống, thức ăn, thuốc phòng bệnh đến khi công ty cân gà và thanh toán tiền cho anh H1. Mặc dù việc nuôi gia công gà màu cho công ty được thỏa thuận bằng miệng nhưng đã được các đương sự thừa nhận do đó Hợp đồng thỏa thuận hợp tác chăn nuôi gà màu cho công ty của anh H1, anh C1 và anh T1 có hiệu lực pháp luật.

Đối với việc anh T1 trình bày rằng ban đầu có thỏa thuận cùng anh H1, anh C1 nuôi gà màu cho công ty, anh T1 chỉ tham gia nuôi lứa gà thứ nhất cùng anh C1, anh H1, sau đó anh T1 không tham gia nuôi nữa để ông T đứng ra nuôi cùng anh C1, anh H1; phía ông T thì ngay từ đơn khởi kiện đã khẳng định việc thỏa thuận nuôi gà cho công ty “Tôi sẽ là người trực tiếp dùng diện tích đất của gia đình mình để làm trang trại chăn nuôi gà, con tôi bỏ vốn làm chung cùng anh H1, anh C1...cùng đầu tư vốn để xây chuồng trại và trực tiếp bỏ thời gian, công sức

*của mình để chăn nuôi gà từ khi còn nhỏ đến khi đạt tiêu chuẩn để xuất bán. Anh H1 cùng anh C1 thuê tôi chăm hàng tháng”. Bị đơn anh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C1 trình bày thống nhất về việc anh H1, anh C1, anh T1 (con rể ông T) cùng góp tiền xây chung trại gà trên đất nhà ông T (ông T cho mượn đất không phải trả tiền thuê) và trình bày thống nhất với ông T việc các anh thuê ông T chăn nuôi gà mỗi lứa trả công là 10.000.000 đồng. Như vậy bản thân ông T cũng thừa nhận anh T1 bỏ vốn làm chung cùng anh H1, anh C1, ông T được anh T1, anh H1 và anh C1 thuê nuôi gà. Anh T1 trình bày anh chỉ tham gia nuôi cùng anh H1, anh C1 lứa thứ nhất, từ lứa thứ hai đến lứa thứ 4 anh để cho ông T nuôi cùng anh H1, anh C1 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và anh H1, anh C1 không thừa nhận, nên việc anh T1 trình bày lứa thứ 2, 3, 4 anh không tham gia nuôi cùng anh H1, anh C1 nữa và việc ông T trình bày “ông cùng thống nhất với anh H1, anh C1 thỏa thuận miệng về việc cùng nhau hợp tác xây dựng trại chăn nuôi gà trên đất của gia đình ông, theo đó ông sẽ là người trực tiếp dùng diện tích đất của gia đình mình để làm trang trại chăn nuôi gà...” là không có cơ sở chấp nhận.*

[5.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền công chăn nuôi 3 lứa gà đầu với số tiền 30.000.000đ của ông T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được các đương sự là ông T, anh H1, anh C1, anh T1 đều thừa nhận có việc thuê ông T nuôi gà cho anh H1, anh C1, anh T1 và anh H1 là người đứng ra trả tiền công nuôi gà cho ông T mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Lứa gà thứ nhất: Ông T trình bày trước khi nuôi chung 4 lứa gà tại trại gà trên đất nhà ông, thì anh H1 còn nuôi 01 trại gà bên cạnh đất nhà ông T, anh H1 cũng thuê ông Tăng N1 và trả công 7.000.000đ/1 lứa gà, trong thời gian ông T nuôi thuê lứa gà này cho anh H1 thì ông T cưới con và đã lấy 200kg gà ở trại gà của anh H1 bên cạnh đất nhà ông, chứ không phải lấy 200kg gà ở trại gà trên đất nhà ông và anh H1 đã trừ vào tiền công anh H1 thuê ông T chăn nuôi gà của trại gà bên cạnh nhà ông T. Tại phiên tòa ngày 16/9/2025, ông T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Tăng L trình bày khoảng năm 2019 (trước khi làm trại nuôi gà trên đất của ông T) thì ông T có nuôi gà thuê cho anh H1 ở trại gà tại thôn R, xã X, anh H1 còn nợ tiền công nuôi thuê là 18.000.000đ nên ông đã lấy 200kg gà để trừ vào tiền công nuôi gà trên trại ở Rừng C. Như vậy lời trình bày của ông T là không thống nhất (lúc thì trình bày trừ vào tiền công nuôi thuê ở trại gà bên cạnh trại gà của gia đình ông tại thôn X, lúc thì trình bày là trừ vào tiền công nuôi thuê ở trại gà thôn R trong khi đó tiền công nuôi gà thuê ở hai trại gà là khác nhau, trại gà trên thôn X giáp trại gà trên đất nhà ông T thì tiền công nuôi thuê là 7.000.000đ, còn tiền công nuôi gà thuê ở trại gà thôn R là 18.000.000đ); phía anh C1 cũng thừa nhận ông T lấy hơn 200kg gà cưới con là lấy ở lứa gà thứ nhất nuôi ở trại gà trên đất của gia đình ông T. Anh H1 cho rằng

việc ông T lấy 240kg gà đẻ cưới con là lấy gà ở trại gà mà anh H1, anh C1, anh T1 nuôi chung trên đất nhà ông T (lứa gà thứ nhất), việc ông T cho rằng anh H1 nợ tiền công nuôi thuê của ông T ở trại gà trên thôn R là không đúng vì trong thời gian ông T nuôi gà thuê cho anh H1 ở trại gà thôn R, vợ chồng ông T có vay của vợ chồng anh H1 số tiền 70.000.000đ, sau đó vợ chồng ông T đã trả được 50.000.000đ, còn nợ lại 20.000.000đ nên anh H1 đã trừ luôn vào tiền công thuê ông T chăn nuôi. Do đó anh H1 không còn nợ tiền công chăn nuôi của ông T ở trại gà tại thôn R. Chị D (vợ anh H1) trình bày vợ chồng ông T vay số tiền 70.000.000đ, ông T đã trả được 50.000.000đ, còn nợ lại 20.000.000đ anh H1 đã trừ vào tiền công thuê ông T nuôi gà trên trại gà thôn R. Phía ông T và bà T2 cũng thừa nhận trong thời gian ông T nuôi gà thuê cho anh H1 ở trại gà trên thôn R thì vợ chồng ông T có vay của vợ chồng anh H1 70.000.000đ và đã trả số tiền trên cho anh H1, trả làm hai lần, lần 1 trả 50.000.000đ, lần 2 trả 20.000.000đ. Như vậy việc anh H1 trình bày trong thời gian ông T nuôi gà thuê cho anh H1 ở trại gà tại thôn R, vợ chồng ông T có vay của vợ chồng anh H1 số tiền 70.000.000đ và vợ chồng ông T đã trả được số tiền 50.000.000đ là đúng, ông T bà T2 trình bày đã trả được cho vợ chồng anh H1 số tiền 20.000.000đ còn lại nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, phía anh H1 trình bày anh đã trừ số tiền ông T còn nợ 20.000.000đ vào tiền công thuê ông T nuôi gà ở trại gà thôn R là có cơ sở. Do đó ông T trình bày ông lấy 200kg gà cưới con ở lứa gà thứ nhất tại trại gà của anh H1, anh C1, anh T1 nuôi trên đất của gia đình ông T để trừ vào tiền công nuôi gà của ông trên trại gà thôn R của anh H1 là không chính xác; vì vậy việc anh H1 trình bày số gà 240kg gà ông T lấy cưới con đã được trừ vào tiền công nuôi gà của ông T ở lứa thứ nhất là có cơ sở, các bên đã thanh toán xong tiền công chăn nuôi cho ông T xong ở lứa gà thứ nhất. Do đó ông T yêu cầu anh H1 trả tiền công nuôi gà cho ông ở lứa gà thứ nhất không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Lứa gà thứ 2 và lứa gà thứ 3:* Ông T và anh T1 trình bày lứa gà 2, 3 anh T1 không nuôi nữa mà để cho ông T nuôi cùng anh H1, anh C1; còn phía anh H1 và anh C1 cho rằng không được ông T hay anh T1 nói về việc anh T1 không tham gia nuôi cùng nữa mà để ông T nuôi; việc trình bày này của ông T, anh T1 mâu thuẫn với việc tất cả các bên đều thống nhất trong Hợp đồng miệng là ông T chỉ là người nuôi thuê và được trả công mỗi lứa 10.000.000đ cũng như đã phân tích ở trên mặc dù việc nuôi gia công gà màu cho công ty được thỏa thuận bằng miệng nhưng đã được các đương sự thừa nhận do đó Hợp đồng thỏa thuận hợp tác chăn nuôi gà màu cho công ty của anh H1, anh C1 và anh T1 có hiệu lực pháp luật. Do đó xác định lứa gà thứ hai và lứa gà thứ ba ông T vẫn nuôi thuê cho anh H1, anh C1, anh T1; số tiền công nuôi thuê của hai lứa là 20.000.000đ, anh H1, anh C1 thừa nhận chưa thanh toán tiền công nuôi gà cho ông T ở lứa thứ hai và lứa thứ

ba. Do đó, yêu cầu của ông T về việc yêu cầu thanh toán tiền công nuôi gà ở lứa 2, 3 số tiền 20.000.000đ là có cơ sở.

*Lứa gà thứ 4:* Ông T trình bày lứa gà này chỉ có ông T và anh C1 tham gia nuôi, anh H1 không tham gia nuôi nữa. Tuy nhiên do anh H1 vẫn đứng tên trên Hợp đồng gia công với công ty nên ông T và anh C1 vẫn nhờ anh H1 nhập con giống, cám, thuốc phòng bệnh, cân gà cho công ty và nhận tiền; phía anh C1 thì cho rằng ngay từ đầu anh C1, anh H1, anh T1 đã thỏa thuận thống nhất với nhau cả ba anh cùng chung nhau nuôi gia công gà màu cho công ty và thuê ông T nuôi gà mỗi lứa trả 10.000.000đ, dù lỗ, hay lãi các anh đều phải thanh toán cho ông T tiền công chăn nuôi, ngoài ra ông T không được nhận thêm bất cứ khoản tiền nào khác và thực tế lứa gà thứ 4 ông T vẫn nuôi như các lứa gà trước. Phía anh H1 thì khẳng định ở lứa gà thứ 4 anh vẫn tham gia nuôi gà cùng anh C1, anh T1, vẫn làm các công việc như các lứa gà trước. Lời trình bày của anh C1 và anh H1 là phù hợp nhau. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như hóa đơn, chứng từ công ty thanh toán cho anh H1, hóa đơn, chứng từ thuốc phòng bệnh, cám mua ngoài...mà anh H1 phải chi phí, xét thấy: Thực tế ở lứa gà thứ 4, anh H1 vẫn là người thực hiện tất cả các công việc như nhập con giống, cám, thuốc phòng bệnh, thuê người tiêm gà, dọn vệ sinh, thuê người bóc vác giống, cám, gà thành phẩm, cân gà cho công ty...ông T và anh C1 đều thừa nhận việc này; Như đã phân tích ở trên, ông T chỉ là người được thuê nuôi gà và được trả công theo từng lứa, chứ không tham gia nuôi gia công cùng anh H1, anh C1 và anh T1. Do đó việc ông T cho rằng lứa thứ 4 chỉ có ông T, anh C1 đứng ra nuôi nên ông T yêu cầu anh H1 phải thanh toán tiền gia công mà anh H1 đã nhận thanh toán từ công ty cho ông T không có cơ sở chấp nhận.

Mặc dù ông T chỉ yêu cầu anh H1 là người có trách nhiệm thanh toán tiền công nuôi gà của 3 lứa gà đầu số tiền 30.000.000đ, không yêu cầu thanh toán tiền công chăn nuôi của lứa gà thứ 4 (vì ông T cho rằng lứa thứ 4 ông là người đứng ra nuôi nên ông không yêu cầu thanh toán tiền công nuôi của lứa 4), nhưng như đã phân tích ở trên, lứa 1 giữa ông T và anh C1, anh T1, anh H1 đã thanh toán tiền công nuôi gà cho nhau xong, chỉ còn lứa 2, 3, 4. Phía anh H1, anh C1 cũng thừa nhận lứa gà thứ nhất đã thanh toán xong tiền công nuôi gà cho ông T, chỉ còn nợ lại tiền công nuôi gà của lứa 2, 3, 4. Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm thanh toán tiền công nuôi gà thuộc về cả ba người là anh H1, anh C1, anh T1 cũng như căn cứ vào lời trình bày của các đương sự phù hợp với số tiền 30.000.000đ anh H1 ghi trong giấy nhận nợ, nên xác định hiện anh H1, anh C1, anh T1 còn nợ ông T tiền công thuê nuôi gà của lứa 2, 3, 4 là 30.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H1 tự nguyện đứng ra trả số tiền 30.000.000đ cho ông T sau đó anh H1 sẽ giải quyết với anh C1, anh T1 sau, nếu không giải quyết được anh H1 sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Do đó cần ghi

nhận sự tự nguyện này của anh H1 và buộc anh H1 phải thanh toán cho ông T số tiền công chăn nuôi gà của lứa 2, 3, 4 là 30.000.000đ là phù hợp.

[5.3]. Đối với yêu cầu của ông T buộc vợ chồng anh H1, chị D phải trả ông T số tiền bán gà lứa thứ 4 số tiền là 140.000.000đ; thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án anh H1 trình bày anh H1 ghi vợ chồng anh H1 có nợ ông T tiền bán gà của lứa 4 là 140.000.000đ; tiền phí gia công của 3 lứa chưa có khoảng 200.000.000đ là do trước đó giữa anh H1 và anh P có mâu thuẫn, anh có một trại gà (ngay cạnh nhà ông T) cho anh P thuê lại để nuôi gà, anh P nhờ hoặc thuê ông T trông nom và chăm sóc. Đến ngày 7/5/2023 anh H1 và anh P có mâu thuẫn với nhau về vấn đề thuê trại, anh H1 đến trại gà cho anh P thuê và mời anh P lên để giải quyết nhưng đến ngày hôm sau anh P mới lên, khi đến nơi anh P gọi điện cho anh H1 báo là gà chết (số lượng gà chết anh H1 không nắm được), sau đó anh P yêu cầu anh H1 phải bồi thường số gà chết nếu không sẽ báo công an, phía anh H1 chưa biết nguyên nhân gà chết, đúng sai thế nào vì anh H1 đã có mặt ở đó ngày hôm trước. Trong lúc tinh thần anh H1 đang hoảng loạn thì ông T đã yêu cầu anh H1 viết giấy nhận nợ với số tiền cụ thể như nêu trên và ông Tăng giữ tờ giấy nhận nợ đó. Khoảng 15 phút sau, ông T lợi dụng lúc tinh thần anh H1 đang hoảng loạn và sự nhẹ dạ cả tin của anh H1 đã tiếp tục yêu cầu anh H1 viết nợ thêm 200.000.000đ thì ông T sẽ giàn xếp với anh P để giải quyết nội bộ, đồng thời sẽ cho anh H1 tiếp tục sử dụng trại gà trên đất nhà ông T để nuôi gia công. Nhưng sau khi ông T nhận được tờ giấy nhận nợ đó thì ông T đã không cho anh H1 lấy trại để tiếp tục nuôi gia công gà mà ông T tự ý lấy trại của anh H1, anh T1, anh C1 cho người khác thuê mà không được sự đồng ý của ba anh (ước tính số tiền ông T đã thu được từ việc cho thuê trại là 70.000.000đ). Vì vậy số tiền bán gà viết như trong giấy nhận nợ theo yêu cầu của ông T là hoàn toàn không có. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định anh H1 vẫn là người trực tiếp nuôi gà lứa thứ 4 và ông T vẫn chỉ là người được các anh thuê chăm sóc như các lứa gà 1,2,3. Do đó ông T không có quyền yêu cầu anh H1 phải trả số tiền thu nhập có được từ lứa gà thứ tư là 140.000.000đ như đã viết trong giấy và ông T cũng không có quyền yêu cầu anh H1 phải trả số tiền ghi trong giấy còn khoảng 200.000.000đ tiền bán gà từ lứa 1,2,3.

Phía ông T trình bày việc anh H1 cho rằng khi anh viết giấy nhận nợ số tiền 140.000.000đ và 200.000.000đ trong lúc tinh thần đang hoảng loạn là không chính xác vì giữa anh H1 và anh P có mâu thuẫn như thế nào ông T không biết, giữa ông T và anh H1 không liên quan gì đến mâu thuẫn của anh H1 và anh P; việc gà của anh P ở chuồng bên cạnh bị chết do hôm trước anh H1 có đến và không cho ông T bật điện làm mát chuồng gà dẫn đến gà bị chết. Việc anh H1 viết giấy nhận nợ ngày 08/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Qua lời khai của các đương sự cũng như Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc mâu

thuần của anh H1 và anh P ở trại gà bên cạnh xác định ông T có được anh P thuê nuôi gà ở trại gà của anh P cạnh nhà ông T và có việc sau khi anh H1 lên trại gà của anh P để giải quyết mâu thuẫn sau đó gà bị chết. Mặc dù anh H1 chị D thừa nhận chữ viết, chữ ký, nội dung nhận nợ của mình trong giấy nhận nợ là đúng, tuy nhiên số tiền gia công chăn nuôi 340.000.000đ là không có, bởi lẽ căn cứ vào trình bày của anh H1 và tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH J2 cung cấp thì phí gia công chăn nuôi công ty thanh toán cho anh H1 ở lứa gà thứ 2 (lứa 1 nuôi gia công cho công ty G, từ lứa thứ hai trở đi nuôi gia công cho công ty TNHH J2) là 21.466.628đ; phí gia công chăn nuôi của lứa 3 công ty J2 trả cho anh H1 là 6.941.689đ và lứa thứ 4 công ty trả phí gia công chăn nuôi cho anh H1 là 0đ; lứa gà thứ nhất nuôi gia công cho công ty G mặc dù không có hóa đơn thanh toán của công ty nhưng anh H1 thừa nhận phí gia công công ty thanh toán cho anh H1 là 15.000.000đ. Tổng cả 4 lứa gà là 43.408.317đ. Ông T trình bày đối với lứa gà thứ 4 sau khi trả đủ sản lượng cho công ty thì vẫn còn thừa 900kg gà và anh H1 đã bán ra ngoài, tuy nhiên ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Như vậy cả 4 lứa gà công ty thanh toán phí gia công mới được 43.408.317đ, nên việc anh H1 trình bày anh viết giấy nhận nợ trong lúc tinh thần hoảng loạn và thực tế tiền gia công chăn nuôi của cả 4 lứa là có cơ sở và ông T cho rằng anh H1 còn nợ ông tiền phí gia công 340.000.000đ của 4 lứa gà là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[6]. Về tài liệu, chứng cứ ông T xuất trình trong quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông T, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T cho rằng cơ sở để buộc anh H1, chị D phải trả ông T số tiền 140.000.000đ là căn cứ vào Đề nghị thanh toán của anh H1 lứa gà thứ 4 ngày vào gà 02/5/2022, ngày bán gà 06/9/2022 của trại gà Hoàng Xuân Nam H1 2 do anh H1 được thanh toán của Công ty nhưng không trả tiền ông T số tiền 140.000.000đ. Cụ thể: Phí nuôi gà lứa thứ 4 là 84.549.000đ và số gà dôi dư của lứa thứ 4 khoảng 900kg anh H1 bán được 60.000.000đ nhưng không trả ông T (giá gà 65.000đ/01kg). Tại phần xét hỏi và tranh luận trong phiên tòa phúc thẩm, ông T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T giải trình căn cứ vào đề nghị thanh toán của anh H1 đối với công ty J thì tổng số gà con nhập về trại gà là 5530 con, quá trình nuôi bị hao hụt do bị chết nên chỉ còn lại thực tế xuất bán là 4.406 con; mỗi con gà có trọng lượng bình quân là 2,4kg nên tổng số gà xuất bán cho công ty A; số còn lại dôi dư do vượt sản lượng là 900kg. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào chính tài liệu do ông T, người bảo vệ quyền lợi cho ông T giải trình ở lứa gà thứ 4 thì sẽ không còn gà dôi dư vượt sản lượng là 900 kg như ông T trình bày. Cụ thể gà thực tế xuất bán là 4.406 con x 2,4 kg/01 con = 10.574 kg đã xuất bán toàn bộ cho công ty rồi thì còn đâu số gà vượt sản lượng. Do vậy, việc ông T cho rằng lứa gà thứ 4 vượt sản lượng bán ra ngoài 900 kg là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp

nhận; còn về giá số tiền 65.000đ/01 kg Hội đồng xét xử thấy rằng: Với giá gà công nghiệp tại thời điểm xuất gà ngày 06/9/2022 là không phù hợp thực tế nó mâu thuẫn với chính lời trình bày của ông T tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể đó là: Căn cứ vào lứa gà thứ nhất ông T đã lấy hơn 200kg gà cưỡi con phía anh H1, anh C1 đã trừ số tiền công là 10.000.000đ thì giá gà chỉ khoảng chưa đến 50.000đ/01kg; tại phiên tòa phúc thẩm chính ông T thừa nhận có lấy gà cưỡi con tại trang trại gà của anh H1 khoảng hơn 200kg, tính ra số tiền phải trả và đã trừ nợ là hơn 6.000.000đ nếu căn cứ vào lời khai này của ông T thì giá gà khoảng 30.000đ/01 kg; ngoài ra thực tế giá gà công nghiệp bán trên thị trường tự do không thể có giá 65.000đ/01 kg tại thời điểm tháng 9/2022 như giải trình của ông T (lời khai của người làm chứng, bảng giá gà do công ty J3 cung cấp có trong hồ sơ vụ án). Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở xác định việc ông T giải trình số tiền anh H1 nợ và anh H1 phải thanh toán, trả ông T số tiền 140.000.000đ là không có căn cứ.

Mặc dù giấy nhận nợ ngày 08/5/2023 do anh H1, chị D ký và ông T yêu cầu trả số tiền theo giấy nhận nợ nhưng có căn cứ xác định việc ký này trong hoàn cảnh không tự nguyện. Lý do: Tại thời điểm trang trại gà của anh P bị chết do nguyên nhân anh H1 đến yêu cầu anh P tăng giá tiền thuê trang trại, trang trại bị mất điện dẫn đến gà chết, lúc này cơ quan công an đang điều tra lý do gà chết để xem có dấu hiệu của tội hủy hoại tài sản không, sau đó anh H1 đã phải bồi thường cho anh P tiền, cơ quan điều tra đã không khởi tố vụ án hình sự về gà chết tại trang trại anh P; điều này được thể hiện rõ tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc ông T không giải trình được rõ số tiền 140.000.000đ. Ngoài ra việc anh H1, chị D ký giấy nhận nợ không tự nguyện còn thể hiện ở việc số tiền phí gia công của 3 lứa gà không liên quan gì đến ông T nhưng ông T vẫn bắt anh H1 ký nhận nợ với ông T để căn cứ đó ông T khởi kiện yêu cầu anh H1, chị D thanh toán.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật kết hợp với việc xét hỏi công khai tại phiên tòa để quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Kim T đối với anh N là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy kháng cáo của ông Khổng Kim T là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Khổng Kim T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, ông Khổng Kim

T phải chịu. Tuy nhiên, vì ông T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Không Kim T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ.

1. Căn cứ vào các Điều 401; Điều 406; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Không Kim T về việc yêu cầu thanh toán công chăn nuôi gà.

- Buộc anh Hoàng Xuân Nam H1 phải trả cho ông Không Kim T số tiền 30.000.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Không Kim T về việc buộc anh Hoàng Xuân Nam H1 phải trả tiền bán gà 140.000.000đ .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Không Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàng Xuân Nam H1 không thanh toán khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 11 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Sơn**

